

Phụ lục III
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ NHÓM A
LĨNH VỰC XÂY DỰNG

(Kèm theo Văn bản số 5074/BXD-VP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng)

I. Lĩnh vực đường bộ

1. Thủ tục Quyết định phân loại và điều chỉnh các hệ thống đường bộ: quốc lộ; đường tỉnh, đường đô thị; đường huyện, đường xã; đường chuyên dùng

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung cách thức thực hiện TTHC: nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến.

b) Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Quy định rõ mẫu văn bản đề nghị phân loại và điều chỉnh các hệ thống đường bộ: quốc lộ; đường tỉnh, đường đô thị; đường huyện, đường xã; đường chuyên dùng.

d) Quy định rõ thời hạn giải quyết TTHC: tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Đảm bảo tính rõ ràng và tạo điều kiện thuận lợi trong thực hiện TTHC.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự an toàn giao thông.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026-2027.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 8,191,875 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 5,259,375 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2,932,500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,8 %.

II. Lĩnh vực Hàng hải và đường thủy

1. Thủ tục Quyết định chuyển đổi luồng đường thủy nội địa địa phương, luồng chuyên dùng thành luồng quốc gia và luồng quốc gia thành luồng địa phương

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

b) Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Quy định rõ mẫu văn bản đề nghị chuyển đổi luồng.

Lý do: Quy định hiện nay chưa quy định cụ thể cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ, mẫu văn bản đề nghị chuyển đổi luồng. Do vậy, việc bổ sung quy định nhằm cụ thể hóa yêu cầu, thông tin cần thiết làm cơ sở giải quyết thủ tục, bảo đảm quy định rõ ràng, thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 10 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Bổ sung Phụ lục quy định mẫu văn bản đề nghị.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026-2027.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.750.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.265.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.485.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 39,83%.

2. Thủ tục Công bố đóng luồng đường thủy nội địa quốc gia vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

b) Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Quy định rõ mẫu văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề nghị công bố đóng luồng đường thủy nội địa.

d) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC của cơ quan có thẩm quyền công bố đóng luồng từ 10 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Quy định hiện nay chưa quy định cụ thể số lượng hồ sơ, cách thức thực hiện, mẫu văn bản đề nghị đóng luồng, dẫn đến không thống nhất cách thức trình bày cũng như chưa đảm bảo nội dung thông tin. Do vậy, việc bổ sung quy định nhằm cụ thể hóa yêu cầu, thông tin cần thiết làm cơ sở giải quyết thủ tục, bảo đảm quy định rõ ràng, thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Bổ sung Phụ lục quy định mẫu văn bản đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an yêu cầu đóng luồng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 -2027.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.870.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.625.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.245.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 55,28%.

3. Thủ tục Công bố đóng cảng thủy nội địa vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Sửa đổi, bổ sung quy định về cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua môi trường điện tử), số lượng hồ sơ.

b) Quy định rõ về số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Quy định rõ mẫu văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề nghị công bố đóng cảng thủy nội địa.

d) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC của cơ quan có thẩm quyền công bố đóng cảng từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Quy định hiện nay chưa quy định cụ thể cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ, mẫu văn bản đề nghị đóng luồng, dẫn đến không thống nhất cách thức trình bày cũng như chưa đảm bảo nội dung thông tin. Do vậy, việc bổ sung quy định nhằm cụ thể hóa yêu cầu, thông tin cần thiết làm cơ sở giải quyết thủ tục, bảo đảm quy định rõ ràng, thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Bổ sung Phụ lục quy định mẫu Văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 – 2027.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.870.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.625.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.245.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 55,28%.

4. Thủ tục Công bố đóng khu neo đậu vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Sửa đổi, bổ sung quy định về cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến.

b) Quy định rõ về số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Quy định rõ mẫu văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề nghị công bố đóng cảng thủy nội địa.

d) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC của cơ quan có thẩm quyền công bố đóng cảng từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Quy định hiện nay chưa quy định cụ thể về số lượng hồ sơ, mẫu văn bản đề nghị đóng luồng, dẫn đến không thống nhất cách thức trình bày cũng như chưa đảm bảo nội dung thông tin. Do vậy, việc bổ sung quy định nhằm cụ thể hóa yêu cầu, thông tin cần thiết làm cơ sở giải quyết thủ tục, bảo đảm quy định rõ ràng, thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện.

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 27 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Bổ sung Phụ lục quy định mẫu Văn bản đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026-2027.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.870.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.625.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.245.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 55,28%.

5. Thủ tục Đánh giá, phân loại cảng biển

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Quy định rõ thời gian giải quyết: tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

b) Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính và hệ thống điện tử.

Lý do: Việc bổ sung cách thức thực hiện nhằm giúp cơ quan gửi hồ sơ lựa chọn cách thức thực hiện phù hợp nhất, nhanh nhất, thuận lợi nhất để đảm bảo công việc được thực hiện theo quy định. Quy định rõ thời gian giải quyết góp phần làm minh bạch, thuận lợi cho các cơ quan, trong thực hiện.

5.2. Phương án thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 76/2021/NĐ-CP ngày 28/7/2021 của Chính Phủ quy định tiêu chí phân loại cảng biển

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.442.625 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 687.625 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.755.625 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 71,8 %

6. Thủ tục lấy ý kiến về nội dung trong quy hoạch có ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ công trình hàng hải

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc hệ thống điện tử.

Lý do: Việc bổ sung cách thức thực hiện nhằm giúp cơ quan gửi hồ sơ lựa chọn cách thức thực hiện phù hợp nhất, nhanh nhất, thuận lợi nhất để đảm bảo công việc được thực hiện theo quy định.

6.2. Phương án thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 143/2017/NĐCP ngày 14/12/2017 của Chính phủ quy định bảo vệ công trình hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 – 2027.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.142.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.087.600 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.055.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 65,4 %.

III. Lĩnh vực Phát triển đô thị

1. Thẩm định, công nhận đô thị loại IV, III, II, I,

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC:

- Phân cấp thẩm quyền cho UBND cấp tỉnh trình Bộ Xây dựng thẩm định, công nhận loại đô thị đối với đô thị loại II, I;

- Phân cấp thẩm quyền cho Sở Xây dựng hoặc UBND cấp xã trình UBND cấp tỉnh thẩm định, công nhận loại đô thị đối với đô thị loại IV, III tùy theo phạm vi đề nghị công nhận

Lý do: Thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo Kết luận 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư ngày 28/2/2025; Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi bổ sung Điều 12, Điều 13 Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 79.598.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 55.718.600 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 23.879.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30 %.

2. Thủ tục hành chính Thẩm định báo cáo rà soát tiêu chí phân loại đô thị, báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC:

- Phân cấp thẩm quyền cho UBND cấp tỉnh trình Bộ Xây dựng thẩm định, công nhận loại đô thị đối với đô thị loại II, I;

- Phân cấp thẩm quyền cho Sở Xây dựng hoặc UBND cấp xã trình UBND cấp tỉnh thẩm định, công nhận loại đô thị đối với đô thị loại IV, III tùy theo phạm vi đề nghị công nhận

Lý do: Thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo Kết luận 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư ngày 28/2/2025; Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi bổ sung Điều 12, Điều 13 Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 144.421.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 101.094.700 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 43.326.300 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30 %.

3. Thẩm định hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị (Khu vực phát triển đô thị thuộc địa giới hành chính của 2 tỉnh trở lên; Khu vực phát triển đô thị có ý nghĩa quan trọng về an ninh - quốc phòng)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ cho UBND cấp tỉnh.

Lý do: Thực hiện chủ trương phân quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, giao thông.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi bổ sung Điều 13 Nghị định 11/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Nghị định 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 54.365.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 27.475.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 26.890.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 49.5 %.

IV – Lĩnh vực Đường sắt

1. Thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ giá thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh

1.1 Nội dung đơn giản hóa

- Quy định về thời gian giải quyết TTHC, cụ thể là: 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Lý do: Hiện nay, chưa có quy định về thời gian giải quyết đối với TTHC này. Quy định rõ thời gian thực hiện 5 ngày làm việc tạo sự minh bạch, thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục.

1.2 Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 47 của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04/01/2022, Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14/12/2023 của Chính phủ).

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

1.3 Chi phí cắt giảm

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.095.520 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.649.920 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2,445,600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34%

2. Hỗ trợ nhiệm vụ đặc biệt

2.1 Nội dung đơn giản hóa

- Quy định rõ về thời gian giải quyết TTHC, cụ thể là: 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Lý do: Hiện nay, chưa có quy định về thời gian giải quyết đối với TTHC này. Quy định rõ thời gian thực hiện 5 ngày làm việc tạo sự minh bạch, thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị thực hiện TTHC.

2.2 Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 46 của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04/01/2022, Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14/12/2023 của Chính phủ).

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

2.3 Chi phí cắt giảm

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.095.520 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.649.920 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2,445,600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34%

3. Giao kế hoạch thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội

3.1 Nội dung đơn giản hóa

- Quy định rõ về thời gian giải quyết TTHC, cụ thể là: 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Lý do: Hiện nay, chưa có quy định về thời gian giải quyết đối với TTHC này. Quy định rõ thời gian thực hiện 5 ngày làm việc tạo sự minh bạch, thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị thực hiện TTHC.

3.2 Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 47 của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04/01/2022, Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14/12/2023 của Chính phủ).

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

3.3 Chi phí cắt giảm

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.095.520 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.649.920 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2,445,600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34%

4. Phê duyệt phương án giá dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt

4.1 Nội dung đơn giản hóa

- Quy định rõ về thời gian giải quyết TTHC, cụ thể là: 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Lý do: Hiện nay, chưa có quy định về thời gian giải quyết đối với TTHC này. Quy định rõ thời gian thực hiện 5 ngày làm việc tạo sự minh bạch, thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị thực hiện TTHC.

4.2 Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 1 và sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư số 24/2018/TT-BGTVT; Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 Thông tư số 24/2018/TT-BGTVT; Sửa đổi, bổ sung Điều 22 Thông tư số 24/2018/TT-BGTVT; Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Thông tư số 11/2019/TT-BGTVT về giá dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

4.3 Chi phí cắt giảm

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.897.680 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.799.920 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 3.097.760 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 39%

V. Lĩnh vực Hàng không

1. Thông báo chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung cách thức thực hiện TTHC: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua hệ thống bưu chính.

- Lý do: Đảm bảo tính rõ ràng và tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện và cơ quan giải quyết TTHC.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 96/2021/NĐ-CP ngày 22/11/2021 của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026-2027.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 66.000.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 49.800.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 16.200.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24,5 %.

2. Thông báo chuyển bay chuyên cơ của nước ngoài

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung cách thức thực hiện TTHC: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua hệ thống bưu chính

- Lý do: Đảm bảo tính rõ ràng và tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện và cơ quan giải quyết TTHC.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 96/2021/NĐ-CP ngày 22/11/2021 của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026-2027.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 18.200.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm 3.200.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,6 %.

3. Thiết lập, công bố phương thức liên lạc chung đối với hoạt động bay trong vùng trời cho khu vực bay, đường bay phục vụ hoạt động hàng không chung

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung, làm rõ quy trình thực hiện TTHC (trình tự, cách thức thực hiện...) nhằm đảm bảo tính rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện và cơ quan giải quyết TTHC.

- Đảm bảo tính rõ ràng và tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện và cơ quan giải quyết TTHC.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động bay

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026-2027.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.080.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.220.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.460.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,1 %.

VI – Lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc

1. Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc thẩm định các nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn theo phân công của Thủ tướng Chính phủ.

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bỏ 05/8 nhiệm vụ thẩm định nhiệm vụ thẩm định quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

b) Quy định rõ số lượng, thành phần hồ sơ: 01 bộ.

c) Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ qua hệ thống văn bản liên thông

Lý do: Đảm bảo phù hợp với nội dung phân cấp, phân quyền gắn với việc thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Thuận tiện hơn cho các cơ quan nhà nước trong việc nộp hồ sơ TTHC và giảm bớt chi phí in ấn hồ sơ.

1.2 Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Luật quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi 37 luật có quy định liên quan đến quy hoạch năm 2018; Luật quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.322.840.000 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.621.065.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.701.775.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 62,5 %.

2. Cho ý kiến thống nhất hoặc đóng góp ý kiến đối với các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, kế hoạch thực hiện quy hoạch do các Bộ, ngành, địa phương đề nghị Bộ Xây dựng thống nhất hoặc đóng góp ý kiến theo phân công của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bỏ 04 nhiệm vụ của Bộ Xây dựng về việc cho ý kiến đối với: Quy hoạch chung đô thị không phải là trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh; Quy hoạch không gian ngầm; Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật; và Quy định quản lý theo quy hoạch do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập và thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

b) Quy định rõ số lượng, thành phần hồ sơ: 01 bộ.

c) Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ qua hệ thống văn bản liên thông

d) Quy định rõ thời hạn giải quyết TTHC: tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Đảm bảo phù hợp với nội dung phân cấp, phân quyền gắn với việc thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Đảm bảo tính rõ ràng và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong thực hiện và giảm bớt chi phí in ấn hồ sơ.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi: Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị; quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 -2026.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.024.000 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.955.630 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8.068.370 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 53,7 %.

3. Hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc theo đề nghị của các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức liên quan.

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Quy định rõ số lượng, thành phần hồ sơ: 01 bộ.
- b) Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ qua hệ thống văn bản liên thông
- c) Quy định rõ thời hạn giải quyết TTHC: tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Đảm bảo tính rõ ràng và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong thực hiện TTHC và giảm bớt chi phí in ấn hồ sơ.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi: Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Kiến trúc năm 2019; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị; quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.662.580 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.661.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.001.330 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24 %.

4. Góp ý kiến đối với các quy chế quản lý kiến trúc

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục cho ý kiến đối với các quy chế quản lý kiến trúc.
- Lý do: Đảm bảo phù hợp với nội dung phân cấp, phân quyền và giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi: Luật Kiến trúc năm 2019; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.662.580 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 16.662.580 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.